

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA THUẬT NGỮ TIẾNG VIỆT TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP

DƯƠNG KỲ ĐỨC

(TS, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam)

Ngày 30 tháng 12 năm 2008, tại trụ sở của Viện Nghiên cứu và phát triển ngôn ngữ văn hoá ở Hà Nội, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam đã tổ chức hội thảo tư vấn “**Thuật ngữ tiếng Việt trong đổi mới và hội nhập**”. Tới dự hội thảo có hơn ba chục các nhà khoa học và giảng viên đại học từ các hội thuộc Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, các viện nghiên cứu, các học viện và trường đại học ở miền Bắc. Tại hội thảo có hơn 11 báo cáo được giới thiệu: *TS Dương Kỳ Đức* (Hội Ngôn ngữ học VN) - Vai trò của hội đoàn thường dân và của văn hoá ngôn hành trong vấn đề chuẩn hoá thuật ngữ; *GS.TS Lê Quang Thiêm* (ĐHKHXH & NV HN) - Hệ hình ngữ nghĩa từ vựng (Góp một định hướng cho từ điển giải thích thuật ngữ); *PGS.TS Bùi Hiền* (Viện Khoa học giáo dục) - Tiến tới thống nhất và hoàn chỉnh hệ thống thuật ngữ khoa học VN; *PGS.TS Tô Bá Trọng* (Liên hiệp các hội KHKT VN) - Xây dựng hệ thống thuật ngữ khoa học thống nhất- một yêu cầu bức thiết; *PGS.TS Hà Quang Năng* (Viện Từ điển học và Bách khoa thư VN) - Một số nhận xét về đặc điểm của thuật ngữ tiếng Việt; *PGS.TS Phạm Văn Tinh* (Viện Từ điển học và Bách khoa thư VN) - Vấn đề tính thống nhất của một hệ thuật ngữ chuyên ngành; *TS Nguyễn Thị Kim Thanh* (ĐH Bách khoa HN) - Những nhận xét tổng quan về thuật ngữ tin học - viễn thông tiếng Việt; *Phạm Văn Thiệu* (Hội Vật lý VN) - Một số ý kiến về việc sử dụng ngôn ngữ trong sách giáo khoa vật lý; *TS Nguyễn Thị Thu Vân* (Học viện Hành chính QG) - Những bất cập về sử dụng, giải thích thuật ngữ trong văn bản quản lý nhà nước và giải pháp khắc phục; *Lưu Kiếm Thanh* (Học viện Hành chính QG) - Về tính chính xác sử dụng từ ngữ trong văn bản lập quy; *ThS Nguyễn Thị Hà* (Học viện Hành chính QG) - Tìm hiểu về cách sử dụng thuật ngữ trong các văn bản pháp luật.

Từ nội dung các báo cáo toát lên một số điểm đáng chú ý sau đây.

1. Chuẩn hoá và thống nhất thuật ngữ tiếng Việt là một sự nghiệp quan trọng được quan tâm cả từ phía nhà nước lẫn từ phía xã hội. Theo TS Dương Kỳ Đức,

về phía nhà nước, hành động quản lý gần đây nhất là quyết định số 240/QĐ ngày 5 tháng 3 năm 1984 ban hành “Quy định về chính tả tiếng Việt và về thuật ngữ tiếng Việt” áp dụng cho các sách giáo khoa, báo và văn bản của ngành giáo dục. Nhưng tính đến nay cũng đã gần 25 năm trôi qua rồi, về phía nhà nước ta chưa thấy có động thái gì mới, mà tình trạng lộn xộn trong thuật ngữ tiếng Việt, nhất là trong thời kì đổi mới và hội nhập, thì ngày càng phổ biến. PGS TS Bùi Hiền chỉ ra một số hiện tượng nổi cộm, gây bức xúc đã lâu, trong đó có hiện tượng quá nhiều các kiểu thuật ngữ đồng nghĩa (chẳng hạn: người hâm mộ - fan hâm mộ, tin tặc - hacker, nhà nghỉ dưỡng - resort, cập nhật - update, v.v...). Thuật ngữ tiếng Anh đang bị lạm dụng, lẫn át, thay thế các thuật ngữ tiếng Việt tương đương và đang góp phần phá vỡ sự ổn định của tiếng Việt.

Còn theo PGS TS Hà Quang Năng, từ những năm của thập niên 90 trở lại đây, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế của nước ta, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ đã thúc đẩy thuật ngữ kinh tế, thương mại, tin học, viễn thông phát triển vượt bậc. Trong sự phát triển vô cùng mạnh mẽ của thuật ngữ hơn nửa thế kỉ qua, có nơi, có lúc, sự phát triển ồ ạt đã không tránh khỏi những hiện tượng không lành mạnh. Tuy nhiên, về cơ bản, thuật ngữ tiếng Việt **đã có định hướng phát triển đúng**, dần dần đi vào con đường **khoa học, dân tộc, đại chúng**, vừa làm cho từ vựng tiếng Việt phong phú thêm, góp phần giữ gìn và phát huy khả năng to lớn và tính trong sáng của tiếng Việt.

2. PGS TS Tô Bá Trọng, ngoài việc ủng hộ các tiêu chí khoa học, dân tộc, đại chúng, còn bàn thêm:

Từ thực trạng đất nước ta còn tương đối nghèo và chậm phát triển, có thể nảy sinh ý kiến cho rằng cần phải ưu tiên cho tiêu chí **hội nhập quốc tế**, có thể tiếp thu trực tiếp nguyên bản hoặc phiên dịch các thuật ngữ nước ngoài và áp dụng cho các hoạt động khoa học ở trong nước. Điều đó có thể phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi trước mắt cho một số người. Nhưng nhìn về lâu dài và để phục vụ đông đảo nhân dân cần lưu ý một số điều. Với đặc điểm là tính đơn âm tiết và

tính đa thanh điệu, tiếng Việt có nhiều thuận lợi trong sự hình thành các thuật ngữ. Những thuật ngữ thuần Việt được người Việt Nam đọc, viết và hiểu dễ dàng hơn các từ ngoại quốc. Việc xây dựng và sử dụng các thuật ngữ thuần Việt đã từng là một ưu điểm và thành tựu lớn của các nhà khoa học tiên bối của nước ta. Ngay cả khi phiên dịch thì cũng cần phải Việt hoá tới đa các thuật ngữ khoa học được sử dụng. Đây cũng là một cách thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Vì vậy, các yếu tố truyền thống dân tộc nên được xem xét ưu tiên. Tuy nhiên, điều đó không hề cản trở việc tiếp thu nguyên bản một số thuật ngữ khoa học chuyên sâu, mới xuất hiện, đã trở thành phổ biến trong nhiều ngôn ngữ và việc chuyển sang tiếng Việt gặp nhiều khó khăn.

3. Về các *giải pháp*, theo PGS TS Tô Bá Trọng, cần thiết phải tập hợp được một đội ngũ các nhà khoa học đầu ngành, có trình độ cao về chuyên môn, lại thông thạo tiếng Việt, đại diện cho một số trung tâm khoa học trong cả nước và đặc biệt là có tâm huyết với công việc cần sự thận trọng, kiên nhẫn và tỉ mỉ này. Ngày nay, mỗi ngành khoa học đều tác động hoặc ít hoặc nhiều đến các ngành khoa học khác. Thậm chí, giữa một số ngành khoa học gần gũi còn hình thành các lĩnh vực chuyên môn liên ngành. Trong tình hình đó, sự tham gia của *các chuyên gia thuộc các ngành khoa học lân cận* sẽ góp phần đảm bảo chất lượng và tính phổ biến cho các thuật ngữ khoa học được chọn lọc hoặc xây dựng. Thuật ngữ gắn liền với từ và ngữ. Thành thử, *các chuyên gia ngôn ngữ học rất đáng được hoan nghênh* trong các hoạt động xây dựng thuật ngữ, góp phần làm cho các thuật ngữ được sử dụng thực sự trở thành thuật ngữ khoa học của người Việt Nam.

Do những nguyên nhân khác nhau, nếu nảy sinh sự bất đồng đối với một thuật ngữ khoa học nào đó thì cũng là điều khó tránh khỏi. Trong những trường hợp đó, điều quan trọng là *sự thiện chí, thực sự cầu thị, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhau*, cùng nhau thảo luận trên tinh thần cởi mở, xây dựng để đi đến sự đồng thuận. Những biểu hiện cục bộ, cố chấp, thậm chí hiểu lầm, bài xích lẫn nhau đều không góp phần thực hiện thành công một nhiệm vụ cao cả, xứng đáng với đội ngũ trí thức khoa học nước nhà.

Theo PGS TS Bùi Hiền, để đáp ứng yêu cầu đó của thực tiễn trước hết có lẽ cần phải cùng nhau bắt tay ngay vào giải quyết một số công việc *cấp bách nhất* sau đây:

1/- *Thành lập một Hội đồng thuật ngữ nhà nước* để rà soát, bổ sung và khẳng định lại nội dung của những nguyên tắc xây dựng thuật ngữ chung cho tất cả các ngành đã được Bộ giáo dục ban hành năm 1983, nhất là các nguyên tắc khoa học, dân tộc, quốc tế và hệ thống, sau đó làm tờ trình Chính phủ cho ban

hành “Bộ quy tắc chuẩn hoá thuật ngữ tiếng Việt” kèm theo pháp lệnh thi hành trong cả nước.

2/- *Thành lập các Hội đồng thuật ngữ chuyên ngành* để chọn đủ danh mục thuật ngữ chính thức cho ngành mình (không dùng nhiều thuật ngữ cùng chỉ chung một khái niệm để tiết kiệm ngôn ngữ, tránh phức tạp và gây nhầm lẫn), sau đó tiến hành biên soạn lại hoặc làm mới bộ từ điển thuật ngữ tường giải của ngành để bắt buộc áp dụng chung trong cả nước, trước hết là đối với ngành giáo dục, ngành tư pháp và các cơ quan thông tin đại chúng trung ương (đài phát thanh, đài truyền hình, báo chí, internet).

3/- *Thành lập Hội đồng thuật ngữ liên ngành* để biên soạn bộ từ điển viết tắt bằng chữ cái latin chung cho tất cả các ngành, có chú thích cách viết đầy đủ, và nếu là tiếng nước ngoài thì cho dịch nghĩa cùng với cách đọc thống nhất theo âm chuẩn của chữ cái tiếng Việt bất luận xuất xứ từ tiếng nước nào.

Vận dụng loại suy hệ hình liên tưởng của ngôn ngữ học đại cương vào lĩnh vực ngữ nghĩa từ vựng, GS TS Lê Quang Thiêm đề xuất một hệ hình ngữ nghĩa mới, gồm ba tầng nghĩa (trí tuệ, thực tiễn và biểu tượng) với sáu kiểu nghĩa (mỗi tầng có hai kiểu, tương ứng là: biểu niệm và biểu hiện, biểu thị và biểu chỉ, biểu trưng và biểu tượng). Áp dụng lí thuyết của mình vào thực tiễn từ điển học, ông chủ trương cần khai thác biên soạn *từ điển thuật ngữ chuyên ngành*. Hơn nữa thế kỉ qua từ khi bắt đầu xây dựng thuật ngữ đến nay chúng ta đã có hàng ngàn từ điển chuyển dịch thuật ngữ thuộc mấy trăm ngành, chuyên ngành khoa học, công nghệ và dịch vụ khác nhau*. Hiện nay đã đến lúc bắt đầu chuẩn hoá và xây dựng các *từ điển khoa học kĩ thuật công nghệ giải thích*. Bước chuyển này là cần thiết nếu không sẽ muộn. Bắt đầu chuẩn hoá và giải thích thuật ngữ Việt Nam là một công việc nhằm ba đích. Một là duyệt lại, chuẩn hoá thuật ngữ tiếng Việt, hai là giải thích chính xác nội dung để nâng cao dân trí, ba là thực hiện Việt hoá chiều sâu hạn chế nệ ngoại, vay mượn thiếu chọn lọc không cần thiết. Công việc có thể bắt đầu từ những ngành, chuyên ngành có truyền thống, có lực lượng tốt rồi mở rộng ra.

Như vậy trong phổ hệ các kiểu nghĩa cần thiết bắt đầu khai thác *kiểu nghĩa khái niệm khoa học* thuộc tầng nghĩa trí tuệ. Hai tầng nghĩa còn lại dành cho *từ điển ngữ văn* cỡ lớn nhiều tập mà nay đã trở thành nhu cầu bức thiết. Nếu phối hợp nhịp nhàng hai hướng nói trên sẽ tạo điều kiện tư liệu và tri thức xây dựng

(xem tiếp trang 18)

* Theo tài liệu thống kê của chúng tôi, hiện nay chúng ta đã có từ điển chuyển dịch thuật ngữ chuyên ngành và tổng hợp trên 365 ngành có từ điển ấn bản.

dưỡng nâng cao giảng viên về Hàn Quốc học một cách có hệ thống và cần phải có chính sách chỉ viện của chính phủ Hàn Quốc và Việt Nam đối với chương trình này.

Thứ hai, để chương trình giáo dục chuyên sâu tiếng Hàn đạt được thành công, các giảng viên dạy tiếng Hàn phải nỗ lực để làm sao cho học sinh có nhiều cơ hội giao tiếp bằng tiếng Hàn. Bằng phương pháp giảng dạy chú ý nhiều đến hội thoại, ngay từ đầu phải yêu cầu có tính bắt buộc học viên trả lời câu hỏi của giáo viên bằng những câu tiếng Hàn có hình thức hoàn chỉnh.

Thứ ba, để cải tiến giáo trình thích hợp hơn với học sinh Việt Nam, giảng viên dạy tiếng Hàn phải xây dựng mối quan hệ hợp tác thường xuyên với các cơ quan giáo dục của Hàn Quốc, phải thực hiện việc hợp tác nghiên cứu, mở những cuộc hội thảo một cách định kỳ vì sự phát triển của Hàn Quốc học tại Việt Nam.

Thứ tư, học sinh phải đọc nhiều. Để hiểu rõ văn hóa Hàn Quốc, người học phải đọc nhiều loại sách về Hàn Quốc. Alfred Lord Tennyson từng nói rằng: “Người tạo cho các quốc gia yêu thương nhau không phải là các nhà ngoại giao mà là các tác giả”. Giảng viên tiếng Hàn có nghĩa vụ làm sao cho học sinh hiểu về Hàn Quốc. Sự phát triển Hàn Quốc học tại Việt Nam và sự phát triển Việt Nam học tại Hàn Quốc có quan hệ mật thiết với nhau. Sự phát triển Hàn Quốc học tại Việt Nam và sự phát triển Việt Nam học tại Hàn Quốc giờ đây cần được đẩy mạnh hơn nữa. Ngôn ngữ phải là cầu nối cho sự phồn vinh và hòa bình của thế giới; vì vậy không thể để tiếng Hàn và tiếng Việt trở thành một trở ngại đối với sự hợp tác kinh tế và mở rộng giao lưu văn hóa giữa hai quốc gia Việt Nam và Hàn Quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Han Hak Sung (dịch) 2004, *Luận về cải cách giáo dục ngoại ngữ của Jespersen*. Seoul: Han Kuk Mun Hwa.

Na Sang Bae 2002, *Ngôn ngữ và văn hóa (Ha Young Sam dịch)*. Seoul: Đại học Quốc gia Seoul.

Viện Nghiên cứu Ngoại ngữ Hàn Quốc 2002, *Giáo dục ngoại ngữ trong thời đại toàn cầu hóa*. Seoul: Han Kuk Mun Hwa.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 30-12-2008)

MỘT SỐ VẤN ĐỀ..... (tiếp theo trang 40)

Bách khoa toàn thư Việt Nam thành tựu trong thế kỉ XXI chấn hưng và phát triển của đất nước đầy *khí thế và triển vọng* thành công tốt đẹp như hiện nay.

Còn TS Dương Kỳ Đức lại đề xuất một cách tiếp cận mà ông gọi là **cách tiếp cận xã hội-văn hoá**.

Theo hướng tiếp cận này, ta cần phải huy động *nguồn lực xã hội* mà thành phần nòng cốt có tổ chức của nó chính là các **hội đoàn thường dân**, những tổ chức xã hội-nghề nghiệp. Các hội đoàn thường dân tinh túy phần lớn đã quy tụ trong Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật VN. Đó là một nguồn lực trí tuệ đẳng cấp cao, hoạt động phục vụ cộng đồng theo tinh thần dâng hiến, phi lợi nhuận.

Huy động nguồn lực của các hội đoàn thường dân trong công cuộc chuẩn hoá thuật ngữ tiếng Việt là rất thích hợp. Đó là vì lí do sau đây. Chuẩn ngôn ngữ không phải là một thứ luật pháp do nhà nước đặt ra, tức là phép nước, khiến mọi người bắt buộc phải thi hành. Nó chỉ là một thứ **quy ước xã hội**, hình thành một cách tự nhiên và đa số thành viên của cộng đồng có ý thức tuân theo. Nói cách khác, chuẩn ngôn ngữ là một thứ **lệ tục xã hội**, tức là tổng thể thói quen hay động hình xã hội được một cộng đồng chấp nhận là phải như vậy, chứ không phải là thể khác. Khởi xướng, duy trì, hoàn thiện các quy ước, các lệ tục xã hội trong lãnh vực ngôn ngữ nghề nghiệp, vì lẽ đó, không gì tốt hơn là các hội đoàn thường dân trong từng ngành nghề, chuyên môn.

Cũng theo cách tiếp cận xã hội-văn hoá, ta xem việc sử dụng thuật ngữ nói riêng, tiếng Việt nói chung hiện nay như là một **hoạt động**, một **ứng xử**, một biểu hiện của **văn hoá dân tộc**. Ta gọi đó là **văn hoá ngôn hành**. Muốn giải quyết tình trạng bất cập hiện nay của thuật ngữ tiếng Việt phải đi tìm **căn nguyên văn hoá chung** của nó. Chừng nào văn hoá của cộng đồng được nâng cao thì văn hoá ngôn hành cũng theo đó mà tăng lên, hoặc ngược lại, cũng sẽ xuống cấp theo sự xuống cấp của văn hoá chung của cộng đồng.

Tóm lại, theo **cách tiếp cận xã hội-văn hoá** của Dương Kỳ Đức trong vấn đề thuật ngữ tiếng Việt, nên chăng, phải **dựa vào các hội đoàn thường dân** trong Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật VN và giải quyết vấn đề này như một mặt của **văn hoá ngôn hành**.

Theo dự kiến của Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, đây mới chỉ là cuộc hội thảo tư vấn đầu tiên. Tiếp theo sẽ còn có một số cuộc hội thảo khác đi sâu vào từng vấn đề lớn của sự nghiệp chuẩn hoá thuật ngữ. Ngoài ra, trên tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống của Hội, sẽ mở diễn đàn thuật ngữ để các nhà khoa học thảo luận và đưa ra các khuyến nghị từ những vấn đề lớn đến những vấn đề nhỏ.■